

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH HY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20/05/2022

Về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con
chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH HY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Khanh

2. Lê Quang Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đều có HKTT: Thôn MH, xã LH, huyện VL, tỉnh HY.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 07/9/2015, cháu Nguyễn Phạm Thảo A, sinh năm 02/9/2017. Cháu Bảo A và cháu Thảo A là con của chị H và anh L. Người giám hộ cho cháu Bảo A và cháu Thảo A là chị H và anh L.

Người làm chứng: Bà Chu Thị M, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn KC, xã ĐT, huyện YM, tỉnh HY.

Bà Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn MH, xã LH, huyện VL, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đình L tại UBND xã LH, huyện VL, tỉnh HY ngày 27/11/2014. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chị chung sống với nhau nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng do anh L chơi bời cờ bạc, không chăm lo cho vợ, con, gia đình. Vợ chồng đã ly thân,

không chung sống cùng nhà từ hơn một năm trở lại đây. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trong nhiều năm, Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, hòa giải, bố, mẹ, người thân hai bên cũng khuyên giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được do anh L không từ bỏ thói ham chơi. Chị H xác định chị không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung, chị H trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2015 và cháu Nguyễn Phạm Thảo A, sinh ngày 02/9/2017. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị H tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị H trình bày: Vợ chồng chị không có công nợ với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, chị H trình bày; Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức, chị H xác định chị không có công sức gì với gia đình nhà chồng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị H xác định vợ chồng chị không có đất ruộng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng bị đơn anh Nguyễn Đình L không chấp hành các văn bản tố tụng của tòa án. Anh L vắng mặt không có lý do tại những lần Tòa án triệu tập nên không có lời khai thể hiện quan điểm của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình L vắng mặt không có lý do tại các lần Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa do vậy anh L không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị H ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 07/9/2015 và Nguyễn Phạm Thảo A, sinh ngày 02/9/2017 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về tố tụng: Tại phiên tòa chị Phạm Thị H vắng mặt nhưng chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Đình L vắng mặt không có lý do. Đây là phiên tòa được mở lại lần thứ hai và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ “thông báo mở lại phiên tòa” cho anh L. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đình L cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện VL, tỉnh HY vào ngày 27/11/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Lời khai của chị H, bà Chu Thị M (mẹ đẻ của chị H) và bà Nguyễn Thị Gái (mẹ đẻ của anh L) xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng đã ly thân, không chung sống cùng nhau sau đó vợ chồng có đoàn tụ nhưng do anh L là người ham chơi bời, cờ bạc, không tu trí làm ăn, không chăm lo cho vợ, con và gia đình mà phó mặc cho một mình chị H lo liệu nên sau đó vợ chồng vẫn không thể hòa thuận, không chung sống được với nhau. Đến nay chị H và anh L không còn chung sống cùng nhau, đã ly thân hơn một năm trở lại đây. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án do anh L không đến Tòa án để tham gia phiên họp hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Về phía chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh L. Từ những căn cứ trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, không còn duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H.

[2] Về con chung: Chị H và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 07/9/2015 và cháu Nguyễn Phạm Thảo A, sinh ngày 02/9/2017. Do không có ý kiến của anh L về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Bảo A và Thảo A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản quyền này.

[3] Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về công nợ: Chị H xác định vợ chồng chị không có công nợ với ai không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về công sức: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về đất ruộng: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 07/9/2015 và Nguyễn Phạm Thảo A, sinh ngày 02/9/2017 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu tòa án giải quyết đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản quyền này.

- Về công nợ; tài sản chung; công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011617 ngày 14/02/2022, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện VL;
- UBND xã LH.
- Chi cục THADS huyện VL;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm